

Bản án số: 395/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-04-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung An
Ông Nguyễn Ngọc Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1591/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nghĩa H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ca 94560. USA.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 49/1C đường N, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và Bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/02/2019 đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xcô, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 28/02/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Nghĩa H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Mỹ T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 848, quyển số 05, ngày 01/04/2015. Trong quá trình chung sống, ông và bà Phạm Thị Mỹ T thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, những mâu thuẫn, xung đột cứ xảy ra liên tiếp ngày càng trầm trọng, hạnh phúc vợ chồng không có. Hiện nay, ông sống ở Hoa Kỳ, còn bà Phạm Thị Mỹ T sống ở Việt Nam, vợ chồng không còn sống chung. Trên thực tế, ông và bà Phạm Thị Mỹ T không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ T.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị Mỹ T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2011, giới tính: Nữ, ông đề nghị giao cho bà Phạm Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành được 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà Phạm Thị Mỹ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai ông và bà Phạm Thị Mỹ T không có nợ chung.

Theo Bản tự khai ngày 20/02/2019, bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen Nghia H kết hôn năm 2015, giấy chứng nhận kết hôn số 848, quyển số 05, ngày 01/04/2015, tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyen Nghia H.

Về con chung: Bà và ông Nguyen Nghia H có 01 con chung tên Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2011, giới tính: Nữ, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, và đồng ý việc ông Nguyen Nghia H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành được 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Bà khai giữa bà và ông Nguyen Nghia H không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyen Nghia H và bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ T đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 21/11/2018, ông Nguyen Nghia H có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho ông Nguyen Nghia H được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ T. Do bà Phạm Thị Mỹ T đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyen Nghia H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là ông Nguyen Nghia H có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/02/2019 đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xcô, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 28/02/2019, đồng thời bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ T cũng yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/02/2019, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/02/2019 của ông Nguyen Nghia H, đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xcô, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 28/02/2019 và Bản tự khai ngày 20/02/2019 của bà Phạm Thị Mỹ T, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyen Nghia H xin được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ T.

Về con chung: Ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T đều thống nhất giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2011, giới tính: Nữ, cho bà Phạm Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, và ông Nguyen Nghia H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành được 18 tuổi. Đồng thời, trẻ Phạm Ngọc Bảo Tr cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, theo Bản tự khai ngày 20/02/2019 của trẻ Phạm Ngọc Bảo Tr.

Về tài sản chung: Ông Nguyen Nghia H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị Mỹ T không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T đều khai không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyen Nghia H là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyen Nghia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyen Nghia H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyen Nghia H như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyen Nghia H và bà Phạm Thị Mỹ T chấm dứt kể từ khi bản án có

hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 12/01/2015, vào Sổ đăng ký kết hôn số 848, quyển số 05, ngày 01/04/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2011, giới tính: Nữ, cho bà Phạm Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Nghĩa H cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Nghĩa H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung, nếu hai bên đương sự lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Nghĩa H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phạm Thị Mỹ T không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

Ông Nguyễn Nghĩa H và bà Phạm Thị Mỹ T đều khai không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Nghĩa H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Nghĩa H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046025 ngày 16/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Nghĩa H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Nghĩa H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Nghĩa H vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Nguyễn Nghĩa H có ủy quyền cho ông Nguyễn Tư Th, sinh năm 1966, địa chỉ tại số 483/21 đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhận bản án thay ông Nguyễn Nghĩa H nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Nguyễn Nghĩa H là 01 tháng, kể từ ngày ông Nguyễn Tư Th được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Bà Phạm Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Phạm Thị Mỹ T là 15 ngày, kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh